TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 669/2024/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 05 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 484/2024/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trần Thị Tiểu V, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số 148 đường N, Phường M, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Tứ A, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số 148 đường N, Phường M, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Trần Thị Tiểu V và ông Trần Tứ A là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 89/2015, Quyển số 01/2014 ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 11/4/2024 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 28/5/2024, bà Trần Thị Tiểu V và ông Trần Tứ A yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Giao hai trẻ Trần Bảo T, sinh ngày 18/01/2016 và Trần Đình Q, sinh ngày 05/9/2022 cho bà Trần Thị Tiểu V trực tiếp nuôi dưỡng và ông Trần Tứ A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 30.000.000 đồng (mỗi trẻ 15.000.000 đồng), bắt đầu từ tháng 05/2024 cho đến khi hai trẻ lần lượt đủ 18 tuổi. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà Trần Thị Tiểu V và ông Trần Tứ A đã thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Trần Thị Tiểu V và ông Trần Tứ A thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 89/2015, Quyển số 01/2014 ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên hết hiệu lực.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Bảo T, sinh ngày 18/01/2016 và Trần Đình Q, sinh ngày 05/9/2022. Giao hai trẻ Trần Bảo T, sinh ngày 18/01/2016 và Trần Đình Q, sinh ngày 05/9/2022 cho bà Trần Thị Tiểu V trực tiếp nuôi dưỡng và ông Trần Tứ A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 30.000.000 đồng (mỗi trẻ 15.000.000 đồng), bắt đầu từ tháng 05/2024 cho đến khi hai trẻ lần lượt đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Trần Tứ A có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị Tiểu V và ông Trần Tứ A mỗi người phải chịu 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013435 ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Gò Vấp;
- UBND xã B, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Minh Loan